

Bản án số: 09/2020/DS-PT

Ngày: 15-6-2020

*V/v Tranh chấp về thừa kế
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh và ông Đinh Huy Lưỡng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Phạm Thị Thanh Mơ – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 và các ngày 12, 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Kh sinh năm 1956; Trú tại: Số nhà 37 Đ, khu phố 5B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Vũ Hữu Kh1 sinh năm 1957; Trú tại: Xóm Đ, thôn Tr, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của ông Kh1: Bà Vũ Thị Tr sinh năm 1961; Trú tại: Xóm Đ, thôn Tr, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/5/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Tr sinh năm 1961; Trú tại: Xóm Đ, thôn Tr, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Vũ Thị Nh sinh năm 1950; Trú tại: Ấp 7, xã Ph, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Vũ Đức L sinh năm 1961; Trú tại: Thôn 1, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Vũ Thị Thanh Ph sinh năm 1962; Trú tại: Thôn M, xã Kh, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bà Vũ Thị Ph1 sinh năm 1967; Trú tại: KP1, L, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Vũ Văn T sinh năm 1969; Trú tại: Số nhà 38, ngõ 141, đường Th, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bà Nh, ông L, bà Ph, bà Ph1, ông T: Ông Vũ Văn Kh sinh năm 1956; Trú tại: Số nhà 37 Đ, khu phố 5B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/7/2019 của bà Nh, bà Ph1, bà Ph, Giấy ủy quyền ngày 26/7/2019 của ông L, Giấy ủy quyền ngày 04/10/2019 của ông T)

4. Người kháng cáo: Ông Vũ Văn Kh là nguyên đơn, ông Vũ Hữu Kh1 là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Văn Kh, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nh, ông L, bà Ph, bà Ph1, ông T trình bày: Bố mẹ đẻ ông Kh là cụ Vũ Văn Kh2 và cụ Ngô Thị Ch sinh được 07 người con là bà Vũ Thị Nh, ông Vũ Hữu Kh1, ông Vũ Văn Kh, ông Vũ Đức L, bà Vũ Thị Thanh Ph, bà Vũ Thị Ph1, ông Vũ Văn T. Cụ Kh2 chết ngày 09/12/2006, cụ Ch chết ngày 26/02/2015 và đều không để lại di chúc. Di sản của hai cụ để lại tại xóm Đ, thôn Tr, xã N, Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình gồm quyền sử dụng 858m² đất (469m² đất ở, 60m² đất vườn, 329m² đất ao) đã được UBND huyện Hoa Lư cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 510592 ngày 07/8/2006 đứng tên cụ Kh2 và cụ Ch, tài sản gắn liền với đất còn 01 bể nước khoảng 8,0m³. Khi ông Kh1 xây dựng gia đình, cụ Kh2 và cụ Ch đã cho một mảnh đất làm nhà riêng. Năm 2006 vợ chồng ông Kh1 đã bán nhà về ở cùng với bố mẹ và có tu sửa lại ngôi nhà 5 gian, xây dựng các công trình phụ để sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 2016 anh em trong gia đình họp, bàn bạc phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại trên tinh thần công bằng, hợp lý, các thành viên trong gia đình đều nhất trí. Ngày 30/5/2017 ông Kh1, ông Kh, ông T đã lập văn bản thống nhất, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Kh2, cụ Ch (Bà Nh, ông L, bà Ph1, bà Ph vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho ông Kh thay mặt tham gia hòa giải, ký vào các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc phân chia thừa kế và định đoạt di sản thừa kế của bố mẹ để lại).

Nội dung thống nhất, thỏa thuận phân chia như sau:

- + Ông Kh2, bà Ch có 7 người con gồm 4 trai, 3 gái, không có con nuôi.
- + Ông Kh2, bà Ch mất đi không để lại di chúc.
- + Gia đình tổ chức cuộc họp mời đại diện chính quyền địa phương tham dự, các con của hai cụ thống nhất phân chia thừa kế quyền sử dụng 858m² đất tại thửa số 51, tờ bản đồ PL6. Sau khi thống nhất đã tiến hành đo đạc xác định phần diện tích mốc giới cụ thể cho từng người cụ thể:
 - + Lối đi chung 80m² dài 26,7m, rộng 3m.
 - + Đất sau này xây từ đường 168m² ở phía tây thửa đất (giáp đất ông Chiền)
 - + Ông Kh1 được quyền sử dụng 200m² về phía Bắc thửa đất giáp đất ông Nghĩa.
 - + Ông Kh được quyền sử dụng 157m² phía Bắc giáp lối đi chung.
 - + Ông L được quyền sử dụng 157m² phía Bắc giáp đất ông Kh.
 - + Ông T được quyền sử dụng 156m² phía Bắc giáp đất ông L.

Tất cả anh em trong gia đình hoàn toàn nhất trí hình thức phân chia ở trên đề nghị UBND xã N làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật. (Có biên bản xác định mốc giới kèm theo).

Việc lập biên bản có sự chứng kiến của trưởng thôn, cán bộ địa chính xã và có chứng thực chữ ký của UBND xã N. Sau đó ông Kh1 không đồng ý với Biên bản họp gia đình ngày 30/5/2017. UBND xã N đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa phân chia di sản thừa kế của cụ Kh2 và cụ Ch là quyền sử dụng đất tại thửa số 51, tờ bản đồ PL6 và tài sản trên đất là 01 bể nước mưa tại xóm Đ, thôn Tr, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cho các thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Hữu Kh1 trình bày: Bà Tr thừa nhận mối quan hệ huyết thống, diện, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Kh2 và cụ Ch để lại như ông Kh trình bày là đúng. Bà Tr là vợ ông Kh1 là con dâu của cụ Kh2 và cụ Ch. Sau khi xây dựng gia đình với ông Kh1, vợ chồng bà mượn đất của em trai cụ Kh2 làm nhà tạm để ở. Năm 2000 vợ chồng bà Tr về chung sống với cụ Kh2 và cụ Ch, lúc đó nhà ở xuống cấp vợ chồng bà đã phá đi làm lại trên nền móng nhà cũ. Sau khi cụ Kh2 chết, năm 2010 gia đình đã họp phân chia đất ở được sự nhất trí của cụ Ch, diện tích đất được chia đều làm 05 suất (04 suất cho 04 người con trai và 01 suất để cụ Ch ở). Sau khi cụ Ch chết, năm 2016 các chị em trong gia đình đề nghị ông Kh1, bà Tr chia di sản thừa kế của cụ Kh2 và cụ Ch, gia đình bà Tr đồng ý chia đất theo biên bản họp gia đình năm 2010, theo nguyện vọng của cụ Ch khi còn sống diện tích đất được chia đều cho bốn người con trai, riêng phần đất đã làm nhà mà hiện nay vợ chồng bà Tr đang ở để làm nhà thờ, do vợ chồng bà quản lý. Ý nguyện của vợ chồng bà Tr cũng thống nhất chia di sản của bố mẹ để lại theo biên bản họp gia đình ngày 30/5/2017 nhưng chỉ thay đổi

vị trí ngôi nhà vợ chồng bà đang ở để làm nhà thờ và để lại 2m chiều rộng làm lối đi vào nhà thờ còn lại chia đều cho 04 người con trai.

Ngày 11/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ PL6 bản đồ địa chính xã N và tài sản trên đất, kết quả như sau:

* Tổng diện tích đất 858m² (KT phía Bắc: 19,3m + 16,1m, phía Đông 9,6 + 18,2m, phía Nam 28,9m + 13,6m, phía Tây 7,4m + 24,8m).

Đất ở: 469m² x 3.000.000đ = 1.407.000.000đ.

Đất vườn: 60m² x 1.500.000đ = 90.000.000đ.

Đất ao: 329m² x 1.500.000đ = 493.000.000đ.

Tổng giá trị đất: 1.990.500.000đ.

* Tài sản trên đất:

- Nhà chính (Nhà số 1 lợp ngói KT 5,6 x 9,6 x 3,3) = 22.486.476đ.

- Nhà chính (Nhà số 2 mái bê tông KT 3,8 x 7,5 x 3,7) = 18.769.889đ.

- Công trình phụ (Nhà số 3 mái bê tông KT 5,6 x (7,5 + 4,3) x 3,3) = 73.983.658đ.

- Công trình phụ (Nhà số 4 mái lợp ngói KT 3,8 x 7,4 x 2) = 10.094.518đ.

- Chuồng nuôi gà (Nhà số 5 KT 6 x 5 x 2) = 6.659.752đ.

- Bể nước số 1 (KT 2,9 x 5 x 2) = 6.017.742đ.

- Bể nước số 2 (KT 2 x 1,4 x 1,46) = 11.153.226đ.

- Bể nước số 3 làm bằng ống cống (KT 1,5 x 0,8) = 448.589đ.

- Mái tôn bán mái (KT 8,5 x 3,2) = 2.166.817đ.

- Sân trệt 1 trước nhà chính (KT 9,2 x 5,1 = 46,92m²) = 1.516.886đ.

- Sân trệt 2 khu vực cống (KT 23 x 3 = 69m²) = 2.230.714đ.

- Tường cống (KT 1,5 x 18,7 x 0,3) = 2.596.710đ.

- Chuồng lợn (KT 3 x 4,5 x 2,5) = 6.803.420đ.

- 03 cây Chuối to có buồng: 150.000.000đ.

- 21 cây Chuối to: 210.000đ.

- 10 cây Chuối nhỏ: 10.000đ.

- 01 cây Nhãn đường kính loại A: 1.800.000đ.

- 01 cây Xoài loại A: 565.000đ.

- 02 cây Táo đường kính tán 2,5m: 96.000đ.

- 02 cây Hồng xiêm đường kính tán 2,5m: 140.000đ.

- 02 cây Bưởi đường kính tán lá 2,5m: 200.000đ.

- 03 cây Bưởi nhỏ đường kính tán lá 0,5m: 60.000đ.

- 02 cây Ổi đường kính tán lá 3,0m: 164.000đ.

- 02 cây Na đường kính tán lá 1,5m: 200.000đ.

- 02 cây Mít đường kính tán lá 0,5m: 90.000đ.

Tổng giá trị cây 3.685.000đ (Do không xác định được thời điểm trồng nên giá trị còn lại được tính là 20%) = 737.000đ.

Tổng giá trị đất, tài sản trên đất: 2.156.165.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư quyết định:

Áp dụng: Điều 203 luật đất đai; Điều 649, 650, 651 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Kh về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Kh2 và cụ Ngô Thị Ch cho các con của cụ Kh2 và cụ Ch cụ thể như sau:

- Ông Vũ Hữu Kh1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất mà vợ chồng ông Kh1 xây nhà và công trình phụ có diện tích đất ở là $333,5m^2 \times 3.000.000đ/m^2 = 1.000.500.000đ$, đất ao là $57,5m^2 \times 1.500.000đ/m^2 = 86.250.000đ$; Phía Bắc giáp nhà ông Nghĩa và ông Thành có chiều dài 19,3m, chiều rộng 9,6m và chiều dài 16,1m; Phía Nam giáp đất chia cho ông Kh có chiều dài 42,5m; Phía Đông giáp đường xóm dài 3,2m; Phía Tây giáp thửa 46 đất của UBND xã N và nhà ông Chiến có chiều dài 17,2m. Như vậy giá trị đất ông Kh1 được hưởng $1.086.750.000đ + 01$ bể nước mưa của cụ Kh2 và cụ Ch xây trên phần đất chia cho ông Kh1 có giá $6.017.742đ = 1.092.767.000đ$. Ông Vũ Hữu Kh1 phải thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị Nh $285.216.000đ$; bà Vũ Thị Thanh Ph $285.216.000đ$ và Vũ Thị Ph1 $237.116.000đ$.

- Ông Vũ Văn Kh được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là $122m^2$ đất ở $\times 3.000.000đ/m^2 = 366.000.000đ$, đất ao $90,5m^2 \times 1.500.000đ/m^2 = 135.750.000đ$; Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Kh1 có chiều dài 42,5m; Phía Nam giáp đất chia cho ông L có chiều dài 42,5m; Phía Đông giáp đường xóm dài 5m; Phía Tây giáp thửa 46 đất của UBND xã N và nhà ông Chiến có chiều dài 5m. Như vậy giá trị đất ông Kh được hưởng $501.750.000đ$. Ông Kh phải thanh toán toàn bộ cây trồng trên phần đất chia cho ông Kh là $737.000đ$ và 05m tường rào phía Đông là $649.000đ$ cho ông Kh1.

- Ông Vũ Đức L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là $13,5m^2$ đất ở $\times 3.000.000đ/m^2 = 40.500.000đ$; đất vườn $6,5m^2$ và đất ao $90,5m^2 \times 1.500.000đ/m^2 = 145.500.000đ$; Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Kh có chiều dài 42,5m; Phía Nam giáp đất chia cho ông T có chiều dài 28,9m và đất ông Hiền $13,6m^2$; Phía Đông giáp đường xóm dài 5m; Phía Tây nhà ông Chiến có chiều dài 2,6m và nhà ông Hiền có chiều dài 2,4m. Như vậy giá trị đất ông L được hưởng $186.000.000đ$. Ông L phải thanh toán giá trị chuồng gà $6.659.000đ$, chuồng lợn $6.803.000đ$ xây trên phần đất chia cho ông L và 05m tường rào phía Đông là $649.000đ$ cho ông Kh1.

- Ông Vũ Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là $53,5m^2$ đất vườn, $90,5m^2$ đất ao $\times 1.500.000đ/m^2 = 216.000.000đ$; Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông L có chiều dài 28,9m; Phía Nam giáp đất ông Hiền và ông chiến có chiều

dài 28,9m; Phía Đông giáp đường xóm dài 5m; Phía Tây nhà ông Chiến có chiều dài 5m. Ông T phải thanh toán giá trị 05m tường rào phía Đông là 649.000đ cho ông Kh1.

Ông Vũ Văn Kh phải thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất bà Ph1 48.100.000đ; cho ông Vũ Đức L 99.216.800đ và ông Vũ Văn T 69.216.800đ. (có sơ đồ kèm theo)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Nh, ông Vũ Hữu Kh1 và ông Vũ Văn Kh, theo qui định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Vũ Đức L phải nộp 14.260.000đ; bà Vũ Thị Thanh Ph phải nộp 14.260.000đ; bà Vũ Thị Ph1 phải nộp 14.260.000đ và ông Vũ Đức T phải nộp 14.260.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/12/2019 ông Văn Văn Kh kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Lý do: Chia cho 3 chị em gái nhận kỷ phần bằng tiền là chưa hợp lý và 3 chị em gái cần nhận bằng hiện vật để lấy chỗ đi về. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia toàn bộ di sản của bố mẹ để lại bằng hiện vật cho 7 người con.

Ngày 11/12/2019 ông Vũ Hữu Kh1 kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Lý do: Bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế chưa thấu tình đạt lý, chưa phù hợp với nguyện vọng của gia đình. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản như biên bản họp gia đình ngày 30/5/2017.

Ngày 25/12/2019 Viện trưởng VKSND tỉnh Ninh Bình ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/12/2019 kháng nghị bản án số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm. Lý do:

+ Tòa án sơ thẩm không xem xét ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không xem xét giá trị pháp lý của Biên bản họp gia đình ngày 30/5/2017 trước khi chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ. Trong trường hợp này nếu Biên bản họp gia đình ngày 30/5/2017 có giá trị pháp lý thì phân chia di sản phải căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại biên bản họp gia đình nêu trên.

+ Tại sơ đồ thực địa kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2019 và sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm có sự khác nhau về hình thể thửa đất tranh chấp dẫn đến việc phân chia di sản thiếu chính xác, đồng thời gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Căn cứ quyết định và sơ đồ phân chia di sản của bản án sơ thẩm: Ông Vũ Đức L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là $13,5\text{m}^2$ đất ở $\times 3.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 40.500.000$; đất vườn $6,5\text{m}^2$ và đất ao $90,5\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 145.500.000\text{đ}$ (Tổng $110,5\text{m}^2$), phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Kh có chiều dài $42,5\text{m}$; phía Nam giáp phần đất chia cho ông T có chiều dài $28,9\text{m}$ và đất ông Hiền $13,6\text{m}$, phía Đông giáp đường xóm dài 5m , phía Tây giáp nhà ông Chiến dài $2,6\text{m}$ và nhà ông Hiền dài $2,4\text{m}$. $\{179,86\text{m}^2; (42,5\text{m} \times 5\text{m}) - (13,6\text{m} \times 2,4\text{m})\}$

Như vậy, tổng diện tích ông L được chia (theo như phần kích thước của bản án đã tuyên) là $179,86\text{m}^2; (42,5\text{m} \times 5\text{m}) - (13,6\text{m} \times 2,4\text{m})$ đất vườn $6,5\text{m}^2$, đất ao $90,5\text{m}^2$ còn lại diện tích đất ở phải là $82,86\text{m}^2$ nhưng án sơ thẩm lại xác định ông L được chia $13,5\text{m}^2$ đất ở là không có căn cứ, không chính xác dẫn đến thanh toán tiền chênh lệch là không đúng.

+ Căn cứ Điều 618, 658 của Bộ luật dân sự cần trích một khoản thù lao trông coi, quản lý di sản thừa kế cho ông Kh1, bà Tr.

+ Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại văn bản ủy quyền ngày 04/10/2019 ông T ủy quyền cho ông Kh thay mặt mình khởi kiện vụ án tại Tòa án và tham gia tố tụng nhưng Tòa án lại xác định ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Trong trường hợp này cần phải xác định ông T là đồng nguyên đơn.

+ Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm nêu ông Kh1 phải thanh toán cho bà Nh “ $285.216.000\text{đ}$ ” và ông L phải nộp tiền án phí là “ $14.260.000\text{đ}$ ” là không chính xác.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông T, bà Nh, bà Ph, bà Ph1 có văn bản nêu ý kiến nhất trí với kháng cáo của ông Kh, đề nghị Tòa án xem xét chia di sản cho 7 đồng thừa kế bằng hiện vật, mỗi người có một phần đất gồm cả đất ở, đất ao, đất vườn.

Ngày 13/5/2020 Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ vì nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp là thửa số 51, tờ bản đồ PL6 cùng tài sản trên đất tại xóm Đông, thôn Trung Trữ, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, kết quả:

Về diện tích đất: Các đương sự, các hộ liên kề và chính quyền địa Ph xác nhận thửa đất số 51, tờ bản đồ PL6 trước đây do cụ Kh2, cụ Ch sử dụng và hiện nay do vợ chồng ông Kh1 sử dụng không có tranh chấp với các hộ liên kề, ranh giới không

có sự thay đổi so với ranh giới tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiến hành đo trực tiếp bằng máy toàn đạc điện tử, thửa đất có diện tích là 898,5m². (Tăng so với diện tích đất trong GCNQSDĐ và diện tích do Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định là 40,5m²)

Về tài sản trên đất: Ngoài các tài sản Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2019, trên thửa đất còn có các tài sản khác gồm có:

- + Cổng ở vị trí giáp đường xóm phía Đông gồm 2 cánh làm bằng thép hộp và lưới thép, kích thước mỗi cánh là 1,1m x 1,98m.

- + Tường rào xây ngăn cách giữa cổng với bờ ao dài 5,1m, cao 0,85m (Xây bằng gạch không nung)

- + Tường hoa xây ngăn cách giữa sân với vườn dài 14,3m, cao 0,85m (Xây bằng gạch đỏ)

- + Tường bao phía Tây thửa đất phần dưới xây bằng đá hộc cao 1,1m, phần trên xây bằng gạch không nung cao 50cm, dài 4,3m.

- + Tường ngang thửa đất giáp bờ ao xây bằng đá hộc dài 8,2m, cao 1,2m.

- + Tường xây ngang thửa đất ở khu vực giữa vườn bằng gạch không nung dài 10,6m, cao 0,9m.

- + 01 cây Dừa ở bờ ao phía Tây Nam có đường kính thân 34cm, đường kính tán khoảng 6m, cao khoảng 8m.

- + 04 cây Xoan, trong đó:

- 02 cây ở bờ ao phía Đông; 01 cây có đường kính thân 20cm, đường kính tán khoảng 5m, cao khoảng 5m; 01 cây có đường kính thân 10cm, đường kính tán khoảng 2,5m, cao khoảng 3m.

- 02 cây ở trong vườn giáp bờ ao phía Tây, 01 cây có đường kính thân 10cm, đường kính tán khoảng 2m, cao khoảng 5m; 01 cây có đường kính thân 5cm, đường kính tán khoảng 1m, cao khoảng 4m;

- + 01 cây Na ở bờ ao phía Đông có đường kính thân 10cm, đường kính tán khoảng 2,5m, cao khoảng 2,5m;

- + 03 cây Bưởi, trong đó:

- 02 cây ở giữa vườn, 01 cây có đường kính thân 3cm, đường kính tán khoảng 50cm, cao khoảng 1,5m; 01 cây có đường kính thân 2cm, đường kính tán khoảng 40cm, cao khoảng 1,2m;

- 01 cây ở bờ ao phía Đông Nam có đường kính thân 4cm, đường kính tán khoảng 50cm, cao khoảng 2m.

Các đương sự đều thừa nhận các tài sản nêu trên có trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ.

Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 04/6/2020 và ngày 09/6/2020 Ủy ban nhân dân xã N, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoa Lư,

Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Hoa Lư xác định: Diện tích 40,5m² đất tăng thêm trong tổng diện tích 898,5m² tại thửa số 51, tờ bản đồ PL6 đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 và 40,5m² đất tăng thêm thuộc loại đất nuôi trồng thủy sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham dự phiên tòa giữ nguyên nội dung kháng nghị và nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các đương sự kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Vũ Văn Kh, ông Vũ Hữu Kh1 là đương sự trong vụ án, đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định kháng nghị trong hạn luật định. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Kh, ông Kh1 và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng, nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện của ông Vũ Văn Kh là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích của thửa đất không phù hợp với kích thước dẫn đến bỏ sót 40,5m² đất tại thửa số 51, tờ bản đồ PL6 chưa được xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn bỏ sót, chưa xem xét giải quyết một số tài sản trên đất đang có tranh chấp và chưa thu thập về giá trị của các tài sản gồm: 02 cánh làm bằng thép hộp và lưới thép; 5,1m tường rào xây ngăn cách giữa cổng với bờ ao; 14,3m tường hoa xây ngăn cách giữa sân với vườn; 4,3m tường bao phía Tây thửa đất; 8,2m tường xây ngang thửa đất giáp bờ ao; 10,6m tường xây ngang thửa đất ở khu vực giữa vườn; 01 cây Dừa ở bờ ao phía Tây Nam; 04 cây Xoan, 02

cây ở bờ ao phía Đông, 02 cây ở trong vườn giáp bờ ao phía Tây; 01 cây Na ở bờ ao phía Đông; 03 cây Bưởi, 02 cây ở giữa vườn, 01 cây ở bờ ao phía Đông Nam.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót một số tài sản, thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung và khắc phục được. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo, kháng nghị. Hủy Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị khác:

Về việc xem xét đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm: Theo các đương sự trình bày và cung cấp “*Biên bản họp gia đình*” ngày 30/5/2017. Nội dung biên bản họp gia đình thể hiện ngày 30/5/2017 các con của cụ Kh2, cụ Ch họp thống nhất phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là quyền sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ PL6. Đây là chứng cứ quan trọng để xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng nhưng bản án sơ thẩm không xem xét đánh giá là bỏ sót tài liệu, chứng cứ. Khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ nêu trên để áp dụng pháp luật giải quyết vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đối với việc xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Vũ Văn T: Xét thấy tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2019 tại mục “*Người khởi kiện*” chỉ ghi tên ông Vũ Văn Kh và mục “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*” có ghi tên ông Vũ Văn T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 04/10/2019 ông T mới có văn bản ủy quyền cho ông Kh, trong đó có nội dung thay mặt mình khởi kiện vụ án tại Tòa án và tham gia tố tụng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T tham gia tố tụng với tư cách *người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm phải xác định ông T là đồng nguyên đơn được nêu trong quyết định kháng nghị là không đúng, không phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng khác và án phí phúc thẩm: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án nếu đương sự có yêu cầu. Ông Kh, ông Kh1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Ông Vũ Văn Kh, ông Vũ Hữu Kh1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/6/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Hoa Lư;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

